

Số: 24 /CBTT-CTCSCC

TP.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM

Trụ sở chính: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 536 883 Fax: (028) 38 592 896

Người thực hiện công bố thông tin: ông Huỳnh Trí Dũng

Địa chỉ: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (08) 38 536 883 Fax: (08) 38 592 896

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh thông báo tình hình công bố thông tin:

Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 được đơn vị kiểm toán soát xét.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

TỔNG GIÁM ĐỐC



Huỳnh Trí Dũng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 28
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6039/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300423479 ngày 12/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 6 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần ngày 30/12/2021.

Trụ sở chính của Công ty tại số 121 Châu Văn Liêm, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Văn Hùng	Chủ tịch	
Ông Huỳnh Trí Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Thọ	Thành viên	
Ông Bùi Lê Anh Hiếu	Thành viên	
Ông Lê Tấn Cường	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2022)
Ông Mai Đăng Khôi	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2022)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Trí Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Chí Nam	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Xuân Liễu	Trưởng ban
Ông Trần Nam Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Phong	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh

Số 121 Châu Văn Liêm, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Số: 150822.001/BCTC.KT1

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 15 tháng 08 năm 2022, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho kết luận ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 280622.001/BCTC.KT1 ngày 28 tháng 06 năm 2022 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Chiêu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc chưa thu thập được xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu khách hàng với số tiền 3,57 tỷ đồng. Tại ngày 30/06/2022, chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục nhưng vẫn chưa thu thập được các tài liệu cần thiết liên quan đến các khoản công nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chiêu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo về các vấn đề sau:

- Như Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 7 - Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo, Công ty đang ghi nhận giá trị quyết toán giảm của các công trình hoàn thành trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa trên chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” với tổng số tiền là 8,997 tỷ đồng và chờ hướng dẫn xử lý của các cơ quan có thẩm quyền.
- Như Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 28 - Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hoá được phê duyệt từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

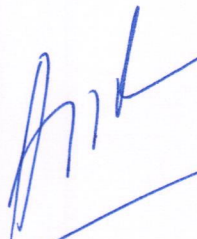
Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		388.557.064.562	418.153.225.691
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	177.707.978.569	176.305.299.271
111 1. Tiền		37.707.978.569	51.305.299.271
112 2. Các khoản tương đương tiền		140.000.000.000	125.000.000.000
120 II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	65.000.000.000	60.000.000.000
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		65.000.000.000	60.000.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		68.718.685.026	126.010.321.563
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	30.364.212.224	92.392.763.286
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.140.171.800	1.700.425.680
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	7	37.214.301.002	31.917.132.597
140 IV. Hàng tồn kho	8	76.190.600.756	53.110.167.696
141 1. Hàng tồn kho		79.567.722.804	56.487.289.744
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.377.122.048)	(3.377.122.048)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		939.800.211	2.727.437.161
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	105.846.957	77.372.571
153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	833.953.254	2.650.064.590
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		51.475.989.643	56.423.978.905
220 II. Tài sản cố định		16.727.074.819	17.354.472.905
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	16.727.074.819	17.354.472.905
222 - Nguyên giá		76.568.771.891	76.568.771.891
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(59.841.697.072)	(59.214.298.986)
260 VI. Tài sản dài hạn khác		34.748.914.824	39.069.506.000
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	10	34.748.914.824	39.069.506.000
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		440.033.054.205	474.577.204.596

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		138.980.095.147	173.242.487.358
310 I. Nợ ngắn hạn		138.980.095.147	173.242.487.358
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	70.088.201.706	91.142.364.358
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	13.972.409.868	3.659.737.320
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.324.306.049	2.903.523.422
314 4. Phải trả người lao động		7.663.602.502	42.654.285.213
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	3.490.795.450	5.267.207.795
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	15	29.422.345.467	15.078.289.958
322 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		12.018.434.105	12.537.079.292
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		301.052.959.058	301.334.717.238
410 I. Vốn chủ sở hữu	16	300.705.355.054	300.987.113.234
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		284.000.000.000	284.000.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		284.000.000.000	284.000.000.000
418 2. Quỹ đầu tư phát triển		1.797.845.000	1.797.845.000
421 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14.907.510.054	15.189.268.234
421b - LNST chưa phân phối kỳ này		14.907.510.054	15.189.268.234
430 II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		347.604.004	347.604.004
431 1. Nguồn kinh phí	17	347.604.004	347.604.004
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440.033.054.205	474.577.204.596



Trương Thị Thùy Ngân
Người lập biểu
Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022



Nguyễn Thị Xuân Đông
Kế toán trưởng





Huỳnh Trí Dũng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	161.937.992.027	168.493.632.067
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		161.937.992.027	168.493.632.067
11	3. Giá vốn hàng bán	20	110.310.987.815	112.209.762.103
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		51.627.004.212	56.283.869.964
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.242.147.273	3.278.450.568
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	33.545.860.252	32.781.927.147
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		21.323.291.233	26.780.393.385
31	8. Thu nhập khác		659.341.608	260.556.683
32	9. Chi phí khác	23	2.755.756.619	162.320.682
40	10. Lợi nhuận khác		(2.096.415.011)	98.236.001
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		19.226.876.222	26.878.629.386
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	4.319.366.168	5.418.925.877
60	13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		14.907.510.054	21.459.703.509
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	425	658

Trương Thị Thùy Ngân

Người lập biểu

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Nguyễn Thị Xuân Đông

Kê toán trưởng

Huỳnh Trí Dũng

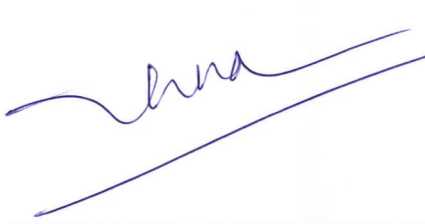
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	236.893.655.146	267.540.782.471
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(131.240.293.643)	(112.117.692.033)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(75.030.317.621)	(70.747.986.438)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	215.803.732	131.809.900
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(27.359.235.377)	(17.997.672.326)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	3.479.612.237	66.809.241.574
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(65.000.000.000)	(80.000.000.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	60.000.000.000	35.000.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.947.571.931	2.766.998.518
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(2.052.428.069)	(42.233.001.482)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(24.504.870)	(1.410.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(24.504.870)	(1.410.750)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1.402.679.298	24.574.829.342
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	176.305.299.271	153.742.101.550
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3 177.707.978.569	178.316.930.892



Trương Thị Thùy Ngân

Người lập biểu

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022



Nguyễn Thị Xuân Đông

Kế toán trưởng





Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6039/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0300423479 ngày 12/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 6 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần ngày 30/12/2021.

Trụ sở chính của Công ty tại số 121 Châu Văn Liêm, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 284.000.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi tư tỷ đồng chẵn), tương đương 28.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 395 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022: 392 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Quản lý vận hành, duy tu, sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát giao thông, bảng thông tin giao thông điện tử.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng các hệ thống đèn chiếu sáng công cộng;
- Tư vấn khảo sát, lập dự án, thiết kế, lập dự toán, lập hồ sơ mời thầu, giám sát thi công, quản lý điều hành dự án các công trình: chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát, bảng thông tin giao thông điện tử;
- Thi công xây lắp mới hệ thống: chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát, bảng thông tin giao thông điện tử.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán căn cứ khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị khác	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm theo hướng dẫn của Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian phân bổ từ 01 đến 03 năm.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.16 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

2.17 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán.

2.18 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động duy tu và thi công xây lắp, đồng thời doanh thu phát sinh chủ yếu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	344.083.388	80.699.989
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.363.895.181	51.224.599.282
Các khoản tương đương tiền (i)	140.000.000.000	125.000.000.000
	<u>177.707.978.569</u>	<u>176.305.299.271</u>

(i) Tại ngày 30/06/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất từ 3,6%/năm đến 4%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	65.000.000.000	-	60.000.000.000	-
	65.000.000.000	-	60.000.000.000	-

(i) Tại ngày 30/06/2022, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất 3,9%/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	8.836.402.285	-	13.717.325.402	-
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 3	7.614.501.869	-	7.788.869.362	-
Trung tâm Quản lý Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	47.571.774.247	-
Các đối tượng khác	13.913.308.070	-	23.314.794.275	-
	30.364.212.224	-	92.392.763.286	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xây dựng Điện Bích Hạnh	-	-	546.247.020	-
Công ty Cổ phần Vật tư Xăng dầu	-	-	487.449.860	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Lê Châu	290.161.800	-	290.161.800	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải	500.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	350.010.000	-	376.567.000	-
	1.140.171.800	-	1.700.425.680	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ký quỹ bảo đảm thực hiện hợp đồng, chờ quyết toán	25.314.767.571	-	20.729.376.070	-
Dự thu lãi tiền gửi	1.132.726.028	-	838.150.686	-
Giá trị quyết toán giảm của các công trình hoàn thành trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa (i)	8.997.051.542	-	8.997.051.542	-
Phải thu Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh về lợi nhuận nộp thừa	808.698.388	-	808.698.388	-
Tạm ứng	180.000.000	-	-	-
Phải thu khác	781.057.473	-	543.855.911	-
	37.214.301.002	-	31.917.132.597	-
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan	808.698.388	-	808.698.388	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 30)

- (i) Các khoản điều chỉnh doanh thu theo quyết toán được các chủ đầu tư phê duyệt trong năm 2018, 2019 của các công trình hoàn thành trong giai đoạn trước cổ phần hóa và giá vốn tương ứng của các công trình này. Phần lợi nhuận điều chỉnh này phát sinh trước giai đoạn cổ phần hóa và ảnh hưởng đến giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa. Do đó, Công ty theo dõi các khoản điều chỉnh này trên khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" và chờ hướng dẫn xử lý của các cơ quan có thẩm quyền.

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	24.407.556.228	(3.377.122.048)	26.451.642.171	(3.377.122.048)
Công cụ, dụng cụ	123.863.800	-	95.294.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	54.930.939.372	-	29.834.990.169	-
- Hệ thống chiếu sáng đô thị trên địa bàn các quận: 1, 3, 5, 8, 10, 11, Phú Nhuận, Bình Thạnh	8.305.206.437	-	7.219.197.612	-
- Hệ thống chiếu sáng đô thị trên địa bàn các quận: 12, Gò Vấp, Tân Bình, Tân Phú	12.356.602.859	-	1.118.435.460	-
- Hệ thống chiếu sáng đô thị trên địa bàn các quận: 2, 4, 7, 9, Thủ Đức và các huyện Nhà Bè, Cần Giờ	6.526.783.984	-	224.179.661	-
- Sửa chữa và nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (Đặng Thúc Vịnh) địa điểm Huyện Hóc Môn	2.808.018.098	-	5.256.037.358	-
- Dự án thay thế hệ thống đèn LED trên các tuyến quốc lộ tỉnh Đồng Nai	7.473.146.327	-	7.459.737.245	-
- Công trình đường gom thuộc tuyến đường dẫn cao tốc Tp. Hồ Chí Minh - Trung Lương	3.563.257.496	-	3.563.257.496	-
- Các công trình khác	13.897.924.171	-	4.994.145.337	-
Thành phẩm	105.363.404	-	105.363.404	-
	79.567.722.804	(3.377.122.048)	56.487.289.744	(3.377.122.048)

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	33.905.931.917	2.994.289.900	36.731.222.029	2.937.328.045	76.568.771.891
Số dư cuối kỳ	33.905.931.917	2.994.289.900	36.731.222.029	2.937.328.045	76.568.771.891
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	16.771.219.839	2.947.222.185	36.731.222.029	2.764.634.933	59.214.298.986
- Khấu hao trong kỳ	568.077.920	13.133.000	-	46.187.166	627.398.086
Số dư cuối kỳ	17.339.297.759	2.960.355.185	36.731.222.029	2.810.822.099	59.841.697.072
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	17.134.712.078	47.067.715	-	172.693.112	17.354.472.905
Tại ngày cuối kỳ	16.566.634.158	33.934.715	-	126.505.946	16.727.074.819

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng: 47.876.593.722 VND

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Thuê container	32.400.000	64.800.000
Các khoản khác	73.446.957	12.572.571
	105.846.957	77.372.571
b) Dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	34.701.200.539	39.038.850.605
Các khoản khác	47.714.285	30.655.395
	34.748.914.824	39.069.506.000

(*) Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định căn cứ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Quyết định số 6039/QĐ/UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong thời hạn 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2014 kể từ thời điểm chuyển sang công ty cổ phần (ngày 01/07/2016).

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghệ ECOTEK	14.924.559.500	14.924.559.500	1.657.815.500	1.657.815.500
Công ty TNHH Thương Mại Minh Sáng	7.005.498.600	7.005.498.600	876.635.100	876.635.100
Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật liệu xây dựng Khánh Hòa	5.368.479.925	5.368.479.925	105.657.580	105.657.580
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng Thiên Minh	7.204.708.121	7.204.708.121	21.693.869.802	21.693.869.802
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại NHB	5.136.126.600	5.136.126.600	17.485.957.500	17.485.957.500
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Đại Quang Phát	418.371.250	418.371.250	7.828.527.437	7.828.527.437
Các đối tượng khác	30.030.457.710	30.030.457.710	41.493.901.439	41.493.901.439
	70.088.201.706	70.088.201.706	91.142.364.358	91.142.364.358

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Trung tâm quản lý hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh	13.496.018.675	-
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông	-	1.415.330.859
- Ban Quản lý Khu Kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hoà	-	1.844.978.000
- Các đối tượng khác	476.391.193	399.428.461
	13.972.409.868	3.659.737.320

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số phải thu đầu kỳ</u> VND	<u>Số phải nộp đầu kỳ</u> VND	<u>Số phải nộp trong kỳ</u> VND	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u> VND	<u>Số phải thu cuối kỳ</u> VND	<u>Số phải nộp cuối kỳ</u> VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.903.523.422	1.144.322.267	4.881.798.943	833.953.254	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.258.308.819	-	4.319.366.168	-	-	2.061.057.349
Thuế thu nhập cá nhân	391.755.771	-	4.276.378.775	3.621.374.304	-	263.248.700
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	2.760.002.825	2.760.002.825	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	<u>2.650.064.590</u>	<u>2.903.523.422</u>	<u>12.505.070.035</u>	<u>11.268.176.072</u>	<u>833.953.254</u>	<u>2.324.306.049</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trích trước chi phí thi công các công trình	3.068.848.709	3.765.868.693
Trích trước chi phí tiền thuê đất	254.301.465	1.341.662.949
Chi phí phải trả khác	167.645.276	159.676.153
	3.490.795.450	5.267.207.795

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thặng dư vốn cổ phần phải nộp Nhà nước (*)	10.785.667.820	10.785.667.820
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	13.384.759.015	629.263.885
Phải trả tiền thuế TNCN	4.630.885.401	3.276.050.743
Các khoản phải trả, phải nộp khác	621.033.231	387.307.510
	29.422.345.467	15.078.289.958
d) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan	10.863.000.000	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 30)</i>		

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	284.000.000.000	-	28.341.320.108	312.341.320.108
Lãi trong kỳ trước	-	-	21.459.703.509	21.459.703.509
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	1.797.845.000	(1.797.845.000)	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	(26.543.475.108)	(26.543.475.108)
Số dư cuối kỳ trước	284.000.000.000	1.797.845.000	21.459.703.509	307.257.548.509
Số dư đầu kỳ này	284.000.000.000	1.797.845.000	15.189.268.234	300.987.113.234
Lãi trong kỳ này	-	-	14.907.510.054	14.907.510.054
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	(15.189.268.234)	(15.189.268.234)
Số dư cuối kỳ này	284.000.000.000	1.797.845.000	14.907.510.054	300.705.355.054

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2021		26.549.268.234
Lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 chuyển sang		15.189.268.234
Chia cổ tức (mỗi cổ phần nhận 850 đồng)	90,92%	24.140.000.000
- Số đã tạm chia trong năm 2021		11.360.000.000
- Số chia trong kỳ này		12.780.000.000
Trích quỹ khen thưởng	4,00%	1.060.749.117
Trích quỹ phúc lợi	4,00%	1.060.749.117
Trích quỹ khen thưởng người quản lý	1,08%	287.770.000

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2022 VND	Tỷ lệ %	01/01/2022 VND	Tỷ lệ %
Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	144.840.000.000	51,00	144.840.000.000	51,00
Công ty Cổ phần Long Hậu	96.560.000.000	34,00	96.560.000.000	34,00
Ông Nguyễn Thành Đức	15.063.000.000	5,30	15.063.000.000	5,30
Các cổ đông khác	27.537.000.000	9,70	27.537.000.000	9,70
	284.000.000.000	100	284.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
- Vốn góp đầu năm	284.000.000.000	284.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	284.000.000.000	284.000.000.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận</i>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	629.263.885	197.098.285
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	12.780.000.000	18.460.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	12.780.000.000	18.460.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	24.504.870	1.410.750
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	24.504.870	1.410.750
- Số dư cuối kỳ	13.384.759.015	18.655.687.535

d) Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.400.000	28.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	28.400.000	28.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.400.000	28.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.400.000	28.400.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.400.000	28.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

17 . NGUỒN KINH PHÍ

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	347.604.004	347.604.004
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	347.604.004	347.604.004

Nguồn kinh phí được cấp là giá trị vật tư Công ty nhận từ Ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ được giao liên quan đến hệ thống chiếu sáng công cộng.

18 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại phường 4, 13 và 14 thuộc quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích thuê 913,9 m², thời hạn thuê đến năm 2046); phường Thạnh Lộc, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích thuê 1.389,7 m², thời hạn thuê đến năm 2059); phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích thuê 2.425,8 m², thời hạn thuê đến năm 2060); xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích thuê 2.500 m², thời hạn thuê đến năm 2064) để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Doanh thu từ hoạt động duy tu	149.715.653.832	168.356.298.559
Doanh thu từ hoạt động thi công lắp	11.917.864.301	-
Doanh thu khác	304.473.894	137.333.508
	161.937.992.027	168.493.632.067

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Giá vốn hoạt động duy tu	97.232.105.706	112.081.219.467
Giá vốn hoạt động xây lắp	12.811.618.167	-
Giá vốn của dịch vụ khác	267.263.942	128.542.636
	110.310.987.815	112.209.762.103

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	3.242.147.273	3.278.450.568
	3.242.147.273	3.278.450.568

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.255.391.435	1.038.898.839
Chi phí nhân công	14.158.600.786	15.111.962.781
Chi phí khấu hao tài sản cố định	614.265.086	619.361.080
Thuế, phí và lệ phí	1.826.420.191	747.819.163
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.253.170.003	6.606.697.018
Chi phí khác bằng tiền	8.438.012.751	8.657.188.266
	33.545.860.252	32.781.927.147

23 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Tiền phạt chậm nộp thuế GTGT	2.153.954.619	-
Các khoản khác	601.802.000	162.320.682
	2.755.756.619	162.320.682

24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	19.226.876.222	26.878.629.386
Các khoản điều chỉnh tăng	2.369.954.619	216.000.000
- <i>Thù lao cán bộ quản lý không chuyên trách</i>	<i>216.000.000</i>	<i>216.000.000</i>
- <i>Tiền phạt chậm nộp thuế GTGT</i>	<i>2.153.954.619</i>	-
Thu nhập tính thuế TNDN	21.596.830.841	27.094.629.386
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.319.366.168	5.418.925.877
Thuế TNDN phải thu đầu kỳ	(2.258.308.819)	(1.744.094.178)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	2.061.057.349	3.674.831.699

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	14.907.510.054	21.459.703.509
Các khoản điều chỉnh:	(2.825.840.000)	(2.778.728.000)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)</i>	(2.825.840.000)	(2.778.728.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	12.081.670.054	18.680.975.509
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	28.400.000	28.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	425	658

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2022, Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và Quỹ khen thưởng người quản lý trên lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2022, tương ứng với số tiền 5.651.680.000 VND.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

26 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	87.263.693.136	77.939.088.866
Chi phí nhân công	52.660.317.395	56.960.153.776
Chi phí khấu hao tài sản cố định	627.398.086	662.855.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.121.860.711	22.189.609.514
Chi phí khác bằng tiền	10.279.527.942	9.420.903.429
	168.952.797.270	167.172.610.765

27 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	177.707.978.569	-	176.305.299.271	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	67.578.513.226	-	124.309.895.883	-
Đầu tư ngắn hạn	65.000.000.000	-	60.000.000.000	-
	310.286.491.795	-	360.615.195.154	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	99.510.547.173	106.220.654.316
Chi phí phải trả	3.490.795.450	5.267.207.795
	103.001.342.623	111.487.862.111

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Tiền và tương đương tiền	177.707.978.569	-	-	177.707.978.569
Phải thu khách hàng, phải thu khác	67.578.513.226	-	-	67.578.513.226
Các khoản cho vay	65.000.000.000	-	-	65.000.000.000
	310.286.491.795	-	-	310.286.491.795
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và tương đương tiền	176.305.299.271	-	-	176.305.299.271
Phải thu khách hàng, phải thu khác	124.309.895.883	-	-	124.309.895.883
Các khoản cho vay	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000
	360.615.195.154	-	-	360.615.195.154

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	99.510.547.173	-	-	99.510.547.173
Chi phí phải trả	3.490.795.450	-	-	3.490.795.450
	103.001.342.623	-	-	103.001.342.623
Tại ngày 01/01/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	106.220.654.316	-	-	106.220.654.316
Chi phí phải trả	5.267.207.795	-	-	5.267.207.795
	111.487.862.111	-	-	111.487.862.111

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28 . THÔNG TIN KHÁC

Trong năm 2020, Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII đã phát hành Báo cáo kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố theo Báo cáo kiểm toán Nhà nước vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hoá được phê duyệt từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan

- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty Cổ phần Long Hậu
- Ông Nguyễn Thành Đức
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty mẹ
- Cổ đông lớn
- Cổ đông lớn
- Thành viên quản lý chủ chốt

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	808.698.388	808.698.388
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	808.698.388	808.698.388
Phải trả khác (cổ tức)	10.863.000.000	-
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	6.517.800.000	-
- Công ty Cổ phần Long Hậu	4.345.200.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
			VND	VND
1	Ông Trần Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	233.100.000	252.830.769
2	Ông Huỳnh Trí Dũng	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	285.700.000	385.200.000
3	Ông Nguyễn Đình Thọ	Thành viên HĐQT	15.000.000	-
4	Ông Bùi Lê Anh Hiếu	Thành viên HĐQT	27.000.000	-
5	Ông Mai Đăng Khôi (Miễn nhiệm từ ngày 30/06/2022)	Thành viên HĐQT	19.000.000	-
6	Ông Lê Tấn Cường (Bổ nhiệm từ ngày 30/06/2022)	Thành viên HĐQT	-	-
7	Ông Trần Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc	248.700.000	388.700.000
8	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	248.700.000	388.700.000
9	Ông Dương Chí Nam	Phó Tổng Giám đốc	248.700.000	388.700.000
			1.325.900.000	1.804.130.769

Ngoài các bên liên quan có phát sinh giao dịch và số dư nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

Trương Thị Thùy Ngân

Người lập biểu

Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2022

Nguyễn Thị Xuân Đông

Kế toán trưởng

Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc

Số: 716 /CTCSCC

TPHCM, ngày 15 tháng 8 năm 2022

V/v giải trình ý kiến ngoại trừ của Công ty
kiểm toán trên Báo cáo tài chính
soát xét bán niên năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Tại báo cáo kiểm toán ngày 15 tháng 08 năm 2022, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán có nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ và nhấn mạnh như sau:

- Ý kiến ngoại trừ:** “Tại Báo cáo kiểm toán số 280622.001/BCTC.KT1 ngày 28 tháng 6 năm 2022 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc chưa thu thập được xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu khách hàng với số tiền 3,57 tỷ đồng. Tại thời điểm 30/06/2022, chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục nhưng vẫn chưa thu thập được các tài liệu cần thiết liên quan đến các khoản công nợ này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty”.

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM xin giải trình nội dung trên như sau:

Thực hiện theo quy định, hàng năm Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM đều gửi bảng đối chiếu công nợ đến từng khách hàng. Tuy nhiên vẫn có 01 số khách hàng chưa xác nhận công nợ dù Công ty đã tích cực đề nghị. Trong thời gian tới Công ty vẫn tiếp tục làm việc với các khách hàng về vấn đề này.

2. Ý kiến nhấn mạnh:

- “Nhu Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 7 – Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo, Công ty đang ghi nhận giá trị quyết toán giảm của các công trình hoàn thành trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa trên chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” với tổng số tiền 8,997 tỷ đồng và chờ hướng dẫn xử lý của các cơ quan có thẩm quyền.
- Như Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 28 – Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hóa được phê duyệt từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền”



Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM xin giải trình nội dung trên như sau:

Tính đến nay, Công ty chúng tôi đã nhận được thông báo phê duyệt quyết toán của các hợp đồng thực hiện trong giai đoạn trước cổ phần hóa (trước ngày 01/07/2016), theo đó kết quả phê duyệt quyết toán có điều chỉnh tăng, giảm doanh thu. Do đó Công ty tạm ghi nhận các khoản này trên khoản mục phải thu, phải trả khác và đang chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền khi Báo cáo quyết toán cổ phần hóa được duyệt.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết về các nội dung trong bản giải trình là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin.

Rất mong Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét và chấp thuận.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.


TỔNG GIÁM ĐỐC
Huỳnh Trí Dũng

